

# Vấn đề ẩm thực trong đạo Phật

*Tỳ kheo Thiện Minh dịch Việt*

Nguyên tác: **Jan Sanjivaputta**, "Are you herbivore or carnivore?", England, 1992

## Mục Lục

### [Lời giới thiệu](#)

#### [I]

1. [Bối cảnh ăn chay - Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật](#)
2. [Quan niệm Phật giáo Nam tông về thú vật và chủ nghĩa ăn chay](#)
3. [Quan niệm Phật giáo Bắc tông về việc ăn chay](#)
4. [Ăn chay và sự thanh tịnh](#)
5. [Thịt cá nấu chín có còn sự sống không?](#)
  
6. [Tâm Từ là nền tảng của sự ăn chay](#)
7. [Trách nhiệm pháp lý gián tiếp](#)
8. [Ăn chay có thể thay đổi tánh nết không?](#)
9. [Ăn chay có thể làm giảm mức sát hại không?](#)
10. [Chủ nghĩa ăn chay và thịt nhân tạo](#)

#### [II]

11. [Bữa cơm cuối cùng của Đức Phật Tổ Gotama: Nấm hay thịt lợn?](#)
12. [Một vị Bồ-tát phải thực hành việc ăn chay không?](#)
13. [Việc thực hành ăn chay do các tu sĩ](#)
14. [Người cư sĩ thực hành việc ăn chay](#)
15. [Ăn chay trong thời đại mới](#)
  
16. [Việc ăn chay hay Bát giới: Một sự lựa chọn tùy duyên](#)
17. [Ăn chay và sức khỏe](#)
18. [Tóm lược](#)

### [Lời bạt](#)

### [Chú thích](#)

#### [III]

[Phụ đính: Dĩ kinh, chứng kinh](#) (về vấn đề ăn chay)

Xem thêm: [Vấn đề ăn chay, ăn mặn trong đạo Phật](#). Tuyển tập các bài bình luận.

## Lời giới thiệu

Mạnh Tử nói "Kiếm ký sanh bất nhân thực kỳ nhục", nên "Quân tử bất nhập trú phòng". Tuy có quan niệm như vậy, nhưng các nhà Nho đầu có ăn chay, có lẽ gần giống quan điểm "Tam Tịnh Nhục" của Phật giáo?

Thành thật mà nói: tục lệ ăn chay do các tu sĩ Phật giáo về sau xu hướng theo Bà La Môn (Ấn Độ giáo) ở Ấn Độ và Đạo Tiên ở Trung Quốc để dễ thu hút tín đồ của họ, như ngài Huệ Năng nói:

"Muốn toan lo độ thế  
Phương tiện phải sẵn sàng  
Chớ để người nghi hoặc  
Tánh họ mới minh quang"

Giòng Thiên Tào Khê Trung Quốc và dòng Thiên Trúc Lâm Việt Nam, các vị tổ cũng không quá cố chấp tập quán ăn chay. Một số nước Phật giáo Đại Thừa như Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản v.v...họ cũng không bảo thủ tục ăn chay, với họ thì "quân tử ưu đạo bất ưu thực" cũng như người Việt Nam thường nói "ăn để sống chứ không phải sống để ăn"; hay là "tham lam sân hận không chừa, bo bo mà giữ tương đưa ít gì!"; hoặc "uống ngọt mê chay nan liễu đạo, không đồ xướng niệm đạo nan thành!"

Riêng tôi thì "không chê đồ chay, nhưng không chấp nhận thành kiến ăn chay", có lẽ ảnh hưởng tinh thần Bát nhã "cá thịt nhưng không phải là cá thịt" (nếu lúc ăn có chánh niệm tinh giác, thấy các vật thực vốn là nguyên chất đất, nước, lửa, gió...), "tuy không phải cá thịt nhưng là cá thịt" (bởi khi ăn các món chay mà hình thức lẫn tên gọi đều là đồ mặn như thịt quay, cá kho v.v...đồ chay mà tâm mặn). Vì vậy mới bị người ta phê bình là "ăn mặn nói ngay, ăn chay nói dối"

Soạn giả cũng như dịch giả tập sách này chắc chắn không có ý chỉ trích, xuyên tạc người ăn chay, chỉ muốn biện minh vấn đề ăn chay không phải là một trong tám muôn bốn ngàn Pháp môn của đức Phật Gotama mà chỉ là "giáo ngoại biệt truyền" thôi!

Với tinh thần phá chấp, tôi xin trân trọng giới thiệu tập sách "Vấn đề ẩm thực trong Phật giáo" do Thầy Kheo Thích Thiện Minh dịch, đến chư Phật tử đọc và suy gẫm.

*Biên Hòa ngày 20-6-99  
Thượng Tọa Giác Chánh  
Trưởng Ban Văn Hóa Phật Giáo, Tỉnh Hội Đồng Nai*

---

### [Phần I]

-oOo-

## 1. Bối cảnh ăn chay - Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật

Thuật ngữ tiếng Anh "Vegetarianism", nghĩa là chủ nghĩa ăn chay đã ra đời lần đầu tiên vào năm 1847 [1]. Nhưng trong thực tế ý niệm về ăn chay đã có từ ngàn xưa. Từ bỏ việc ăn cá thịt được người ta tìm thấy trong học thuyết của triết gia Hy Lạp Pythagoras, về sau Plato, Epicurus, Plutarch và những nhà triết học khác tiếp tục kế thừa. Trong Jambudvipa (Ấn Độ trong thời kỳ Đức Phật tổ Gotama), những tín đồ của Kỳ Na giáo được sự hướng dẫn bởi

Mahavira, được hiểu như là những nhà đạo sĩ tuyệt đối thực hành phương pháp ăn chay [2]. Trong số những người đệ tử của Đức Phật, Devadatta là người chính thức đề cao việc ăn chay. Cùng với bốn người bạn đồng tu khác, Devadatta cố gắng đề xuất năm giáo điều khô hạn cho các tu sĩ của Tăng đoàn, một trong năm giáo điều đó là tu sĩ tuyệt đối không được ăn cá thịt. Trong việc đề xuất này, Đức Phật tổ Gotama dạy rằng những Tỳ khuru nào cảm thấy an lạc trong việc ăn chay thì cứ ăn. Tuy nhiên ngài từ chối để phê chuẩn hay áp dụng giới luật này cho các Tỳ khuru một cách cưỡng ép.

Từ những lời khẳng định được Đức Phật tổ Gotama dạy, rõ ràng là ăn chay thực sự không phải là một phần chính yếu của pháp luật. Ăn chay là việc không quan trọng và không cần thiết lắm. Ăn chay không làm cho con người thanh tịnh, trong sạch và đạt đến giác ngộ Níp-bàn được. Nói một cách khác, dù có ăn chay hay không, người ta vẫn có cơ hội và có khả năng thành đạt sự thanh tịnh và giác ngộ thực sự.

Đức Phật tổ Gotama đã nhiều lần gặp phải những vấn đề về ăn chay. Nigandha Nathaputta - cũng được gọi là Mahavira - vị lãnh đạo Kỳ Na giáo đã thường xuyên nhạo báng ngài. Các đệ tử của Mahavira thảo luận vấn đề này trong hàng động: "Này các bạn - Đạo sĩ Nathaputta nói - Sa môn Gotama ăn thịt đã được chuẩn bị riêng cho ông ta, với đôi mắt mở". Nghe như vậy, Đức Phật dạy: "Đây không phải là lần đầu, môn đệ Nathaputta đã nhạo báng Như Lai ăn thịt mà việc ăn thịt này do chính Như Lai làm; trong quá khứ ông ta đã nhạo báng Như Lai nhiều lần rồi".

Sau đó ngài kể cho chư vị nghe một câu chuyện tiền kiếp (Telovada jataka). Vào thời khi vua Brahma-datta ở Benares, đức Bồ Tát sinh ra trong một gia đình Bà la môn khi trưởng thành ngài chọn đời sống xuất gia. Từ Himalaya ngài bay xuống trần tìm muối và đồ gia vị, sau đó đi khất thực trong thành phố. Một người giàu có chuẩn bị kế hoạch để phá hại Bồ Tát, cho nên người ấy thỉnh ngài về nhà và phục vụ ngài bữa ăn có cá. Sau bữa ăn người đó ngồi xuống một bên và nói: "Thực phẩm này làm được là tôi cố ý cho ngài ăn, bằng cách là giết thú sống. Tội lỗi này không phải của tôi mà là của ngài!" Và người đàn ông ấy nói lên câu chủ đề nhất: "Người ác sát sinh, nấu nướng và cho ăn, ngài ăn bữa cơm đó cho nên ngài có tội". Nghe sự việc này, đức Bồ-Tát đọc câu thứ hai: "Người ác có thể giết vợ và con đem cho người khác; tuy nhiên, nếu người thánh thiện ăn thì không có tội" [3]. Vì vậy có thể nói rằng ai sát sinh thì có tội, nhưng người ăn thì không. Chư Tỳ khuru được phép độ bất cứ loại thực phẩm nào theo tập tục quốc độ của mình, miễn là không ăn vì tham đắm hay ác ý.

Một vị Phật tổ không có quyền ngăn cản bất kỳ ai đó sát sinh. Một người có thể làm bất cứ điều gì mình mong muốn, nhưng người ấy sẽ chịu trọng trách và gánh chịu nghiệp quả của mình. Rất nhiều lần, Đức Phật tổ Gotama dạy rằng sát sinh là hành động bất thiện (akusala - kamma) sẽ gây nhân đau khổ. Cũng như nghề bán thịt cá (mamsa - vanijja) [4] là một trong năm nghề cấm đối với người Phật tử tại gia. Do đó người Phật tử tại gia đã có tâm hi xả rồi (upekkha), họ luôn có tâm từ bi đối với sinh linh. Bất kỳ hành động nào họ làm - thiện hay ác - họ sẽ là người thừa hưởng.

Quan niệm và cách cư xử của Đức Phật tổ Gotama đối với vấn đề ăn chay biểu lộ được trí tuệ của một bậc vĩ nhân. Sau khi xét đoán Sa môn Gotama một cách khách quan, y sĩ Jivakommarabhacca không do dự trở thành một đệ tử của Đức Phật. Có một lần Jivaka viếng thăm bậc đạo sư. Sau khi đánh lễ và ngồi một nơi thích hợp ông nói:

-- Bạch Đức Thế Tôn, đây là những điều con đã nghe như vậy: "Người ta sát sinh cố ý cho sa môn Gotama và sa môn Gotama dùng thịt này một cách cố tình". Thưa ngài, những người đó nói như thế có đúng chân lý không?

Sa môn Gotama trả lời:

-- Họ nói không đúng chân lý, bởi vì Như Lai đã dạy có ba trường hợp không được ăn thịt cá. Đây Jivaka, đó là thấy, nghe và nghi (người cố ý sát sinh cho mình ăn). Nhưng này Jivaka, ngoài ba trường hợp trên, Như Lai nói có thể dùng được.

Hơn nữa, bất cứ ở nơi nào các tu sĩ trong pháp và luật này luôn luôn tu tập hạnh từ, bi, hỷ, xả cho tất cả chúng sinh xa gần và không có oan trái lẫn nhau. Nếu thí chủ mời chư vị dùng bữa, chư vị nhận một cách chánh niệm bất cứ món gì. Chư vị không bao giờ nghĩ đồ ăn của thí chủ này ngon hay không ngon. Chư vị không bao giờ mong đợi sẽ được thí chủ cúng dường đồ ăn ngon. Chư vị thọ lãnh món ăn cúng dường nhưng không có tham đắm mà quán tưởng thực phẩm cúng dường và chuyển cần tu tập giải thoát.

Rồi Sa môn Gotama hỏi:

--Này Jivaka ông nghĩ sao? Lúc đó chư vị thọ lãnh thực phẩm không phạm luật chứ?

Jivaka đáp:

--Đúng như vậy, thưa ngài. Tôi được nghe như thế này: "Vững chãi trong tinh thân hữu là cao thượng. Ngài là điếm tựa bởi vì ngài vững chãi trong tinh thân hữu".

Đức Phật cũng giải thích rằng ai cố tình sát sinh cho Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là có tội trong năm cách. Người ấy có tội khi nói: "Hãy đi bắt sinh vật này hay sinh vật nọ"; người ấy có tội khi con vật bị đau và bị bắt. Người ấy có tội khi nói: "Đi giết con vật đó"; người ấy có tội khi con vật này bị giết đau đớn và khổ sở; và có tội khi người này mang đến cúng dường cho Như Lai và đệ tử của Như Lai.

Dựa vào lời dạy của Đức Phật, có thể kết luận rằng, bất kỳ thú vật nào bị giết (do mình hay người khác) rồi đem dâng cúng (udissa - mamsa) làm thực phẩm thì điều đó là không được phép đối với một tu sĩ, nhưng trái lại thịt hay cá do tín đồ mua ở chợ, bán ở nơi công cộng cho mọi người tiêu thụ (pavatta - mamsa) thì thực phẩm đó được Đức Phật cho phép và tu sĩ có thể dùng được.

[\[Đầu trang\]](#)

## 2. Quan niệm Phật giáo Nam tông về thú vật và chủ nghĩa ăn chay

Phật giáo Nam tông thừa nhận thú vật là chúng sinh có tri giác. Thú vật không những chỉ có thân thể (rūpa) và bản năng, mà còn có chức năng của tâm như cảm thọ (vedana), tưởng (sanna), hành (sankhāra) và thức (vinnāna) [5]. Để chứng minh một cách có khoa học rằng bản năng của thú vật chỉ do trực giác thúc đẩy là một điều rất khó; những bản năng như nhận dạng được đồng loại, chăm sóc con cái, chọn nơi trú ẩn an toàn, nhớ con đường trở về tổ, biết sự chết, biết vui khi được chủ yêu thương và biết trung thành với chủ. Trong thực tế người ta sẽ nói, ai cho rằng thú vật chỉ có bản năng thì người đó chỉ dùng bản năng hơn là dùng tri giác của một con người. Thú vật không chỉ sống một kiếp mà sống nhiều kiếp, sau kiếp sống hiện tiền, còn đi tái sinh kiếp khác.

Thú vật không phải là những sinh vật thấp hèn hay bị đọa đày để loài người đối đãi độc ác. Tàn sát thú vật để cúng tế các vị thần linh khao khát máu hoang tưởng của các tôn giáo sơ khai là một việc làm phạm tội sát sinh. Xa hơn nữa Phật giáo truyền thống không bao giờ cho phép giết thú vật làm thực phẩm tiêu thụ hay phục vụ cho bất kỳ mục đích nào khác.

Cũng cần thiết để hiểu rằng thú vật không được tạo ra cho loài người. Tiến sĩ K.Sri Dhammananda, một nhà lãnh đạo Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan, một vị giảng sư (dhammaduta) ở Malaysia nhiều năm qua đã tuyên bố: "Nếu chúng ta tin tưởng rằng thú vật

được tạo ra cho con người thì cũng có lý do cho rằng con người tạo ra cho loài thú bởi vì có loài thú ăn thịt người." [6].

Tuy nhiên Phật giáo truyền thống không đồng tình với quan điểm là giết thú vật có thể được ngăn chặn bằng phương cách phát động một cuộc phản đối mang hình thức là ăn chay. Phương pháp hữu hiệu để làm giảm thiểu việc sát sinh là phổ biến cho mọi người hiểu biết về lời dạy của Đức Phật. Chỉ có cách này họ mới thật sự hiểu biết giá trị của sự sống rất quan trọng cho loài người và thú vật. Điều này có nghĩa là tất cả chúng sinh đều có quyền sống. Loài thú cũng thích yên vui và không muốn khổ đau. Mạng sống của loài thú không thể nào bị hủy hoại bằng bất cứ lý do gì - như vậy đáp ứng lòng mong mỏi của loài người. Nhờ hiểu biết đúng đắn như vậy, người ta sẽ không giết thú vật cho việc tiêu thụ cá nhân hay bán ngoài chợ.

Như vậy mạng sống của loài thú được cứu nguy chứ không phải bằng cách cấm ăn thịt hay xem thịt là dơ bẩn, mà bằng phương cách đề cập đến giá trị của sự sống, đấu tranh cho quyền sống cơ bản của loài thú. Thật vậy phương pháp thực hiện của Phật giáo truyền thống trong việc đối phó tình trạng giết thú vật được xem là giải pháp trực tiếp tối ưu. Điều này hoàn toàn khác hẳn, từ giải pháp được đặt ra và áp dụng bởi những người ăn chay, có thể được xem như là một phương pháp không có hiệu quả, một người bảo vệ mạng sống loài thú bằng hình thức.

[\[Đầu trang\]](#)

### 3. Quan niệm Phật giáo Bắc tông về việc ăn chay

Nhiều người cho rằng ăn chay là một phần không thể tách rời của tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Một điều giới luật về việc thực hành ăn chay được ghi rõ trong kinh Bồ-Tát giới: "Một Tỷ khuru ăn thịt từ con thú sống là một điều tội lỗi" [7].

Đặc biệt trong kinh Níp-bàn (của Đại thừa), được tìm thấy một lời dạy mạnh mẽ: "Ăn cá, thịt là phá vỡ hạt giống từ bi".

Trong kinh Phạm võng (Brahmajāla sutra) của tạng Sanskrit cũng dạy tương đương: "Một môn đệ của Đức Phật không nên cố ý ăn cá, thịt của bất cứ loại chúng sinh nào vì nếu hành động như vậy, vị đó đánh mất lòng từ bi, giới hạnh và hạt giống giác ngộ. Điều đó cũng là nguyên nhân làm cho các sinh vật gặp người đó sẽ xa lánh. Do đó chư Bồ-Tát xa lánh việc ăn cá, thịt của bất kỳ sinh vật nào. Việc ăn cá, thịt là cội nguồn của tội lỗi vô biên".

Bộ kinh Lăng-nghiêm (Surangama sutra) phê bình nghiêm túc về việc ăn cá, thịt: "Sau khi Như Lai nhập Níp-bàn, thời mạt pháp, ma quỷ sẽ lộng hành khắp thế giới, và sẽ khoe khoang là chúng ăn thịt để đạt giác ngộ. Này Ananda! Như Lai cho phép chư Tỷ khuru ăn năm loại thịt thanh tịnh, là sản phẩm của năng lực phi phạm của Như Lai chứ không phải là thú bị giết chết. Này Bà la môn, sống nơi cây trái không mọc được vì quá ẩm và oi bức và vì toàn sỏi đá, Như Lai sẽ dùng năng lực phi phạm của tình thương để trợ cấp cho các người ăn thịt ảo tưởng để cho các người qua cơn đói khát. Vậy thì, sau khi Như Lai Níp-bàn, các người ăn cá, thịt chúng sinh mà còn dám tự nhận là đệ tử của Như Lai sao? Các người phải biết rằng những ai ăn cá, thịt, dù tâm trí họ mở mang và thực chứng được định tâm thì cũng chỉ là ma qui to lớn mà sau kiếp này sẽ bị sinh tử luân hồi và không thể nào là môn đệ của Như Lai. Họ sẽ ăn thịt và giết nhau liên tục; làm sao họ có thể thoát khỏi vòng tam giới này được" [8].

Hơn nữa, trong kinh Lăng-già (Lankavatara sutra) có một chương đặc biệt thảo luận về vấn đề ăn cá, thịt. Đây là cuộc đàm thoại với vị Bồ-Tát tên là Mahamati. Một phần của cuộc đàm thoại được ghi lại như sau: "Này Mahamati, không đúng khi cho rằng thịt là thực phẩm thích hợp và được phép cho các Tỷ khuru khi thú không bị giết hại do chính người ấy, khi người ấy không ra lệnh giết, khi thực phẩm đó không dành riêng cho người ấy. Thêm nữa, này Mahamati, có thể có người u mê trong đời sau, bắt đầu công việc xuất gia theo giáo lý của

Như Lai, được xem như là đệ tử của ta, mặc áo cà sa như là một biểu hiện, tuy nhiên người đó trong tư duy bị ô nhiễm bởi những lý thuyết sai sót. Họ có thể nói về những điều khác biệt nhau mà họ lấy trong giới luật của họ, do bị si mê bởi quan niệm về linh hồn cá thể, do ảnh hưởng thêm khát hương vị thịt, họ đúc kết lại những phương pháp luận khác nhau để biện minh cho việc ăn cá, thịt. Và lại, chính họ bịa ra một giới luật mười điều học về thịt thú vật được tìm thấy đã chết rồi. Tuy nhiên, trong quyển kinh này với bất cứ hình thức ăn cá, thịt nào, mọi lúc, mọi nơi đều bị nghiêm cấm vô điều kiện và tuyệt đối không cho tất cả... Không có loại thịt nào được xem là thanh tịnh ở ba cách: không cố ý, không đòi hỏi, và không xúi giục, cho nên ngăn cấm ăn cá thịt. Tuyệt đối không ăn cá, thịt, dù ai có nói vấn đề tam tịnh nhục: thấy, nghe và nghĩ; những nhà lý luận sinh ra trong gia đình ăn cá thịt thì không hiểu điều này." [9]

Chống đối việc ăn cá, thịt và khuyên ăn chay được tìm thấy trong những bản kinh bằng tiếng Sanskrit khác, đó là quyển Hastokakshya, Mahamegha, Nirvana và Anglimalika. Tuy nhiên những bản kinh này không có phần nào tương đương trong Tam tạng Giáo điển được chấp thuận của Phật giáo Truyền thống (Theravāda).

Nơi đây, vấn đề được nghiên cứu là nguồn kinh điển nào đáng tin tưởng hơn? Nguồn kinh điển đó có được xem là nguyên thủy hay không? Phật giáo Nguyên thủy có loại bỏ một số đoạn kinh sách nào không? Hay đó là những điều Phật giáo Đại thừa thêm vào? Kinh và giới luật đó có thật sự được Đức Phật dạy và thiết lập hay không? Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nguyên thủy vẫn cho là quan niệm của các kinh văn của tông phái mình là nguyên thủy. Cần tìm hiểu vấn đề này thật sâu sắc hơn mà không thiên vị Theravāda hay Mahayāna. Phương pháp tìm hiểu chính xác nhất là nghiên cứu giá trị kinh và luật bằng chứng tích lịch sử.

Trong kinh Bồ-Tát giới (Bodhisattva sutra) do ngài Kumarajiva (Cu-ma-la-thập) dịch, có năm mươi tám điều luật, được phân chia làm hai loại. Mười điều tội nặng (garukapatti), trong đó bốn điều giới luật đầu tiên thì tương đương với bốn điều giới bất cộng trụ (parajika) trong luật tạng Pāli. Tội nhẹ (lahukapatti) có bốn mươi tám điều, trong đó điều giới luật thứ ba đề cập đến ăn chay. Điều được phân tích thêm là giới luật thứ tám của phần tội nhẹ có viết: "Một Tỷ khuru mà nói xấu hay lên án Phật pháp Đại thừa (Mahayāna) thì vi phạm một tội nhẹ" [10].

Sự xuất hiện danh từ "Đại thừa" trong điều luật có vẻ hơi kỳ dị rõ rệt. "Trong việc nghiên cứu lịch sử về danh từ Đại thừa và Tiểu thừa (Mahayāna and Hinayāna) và Phật giáo gốc của Đại thừa", giảng viên Ryukan Kimura ở trường đại học Calcutta, khoa lịch sử và văn hóa cổ Ấn Độ, kết luận rằng danh từ Đại thừa không được biết đến trong cộng đồng của Phật giáo thời Đức Phật tổ Gotama còn sinh tiền. Theo Pāli tạng Nikāya [11] và Hán tạng Agama [12] là những tạng đáng tin tưởng nhất về tính chất nguyên thủy, không tìm thấy được danh từ Đại thừa.

Danh từ Đại thừa xuất hiện lần đầu sau đại hội kết tập kinh điển lần thứ hai, khoảng một trăm năm sau khi Thế Tôn Níp bàn, là hậu quả của sự chia rẽ trong Tăng già. Những người thuộc phái Đại chúng bộ tức giận và bị gọi là "Tỳ khuru xấu" và "đệ tử tà giáo" bởi những người theo phái Trưởng lão bộ, trung thành với giáo lý của Đức Phật Gotama. Chư vị tìm một danh từ mới cho phái của mình để duy trì và xiển dương ý kiến, quan niệm và chân lý của họ, cũng như chăm bẵm các bộ phái khác. Một số danh từ như Bồ Tát thừa (Bodhisattvayāna), Phật thừa (Buddhayāna), A la hán thừa (Arahatyāna), Thịnh văn thừa (Sravakayāna), Thiên thừa (Dviyāna) đã được họ áp dụng trong một thời gian tương đối ngắn. Nhưng dường như họ không thỏa mãn với những danh từ này bởi vì tất cả đều là chỉ tiết, duy nhất có thể chỉ ra những sự khác nhau trong những khía cạnh nào đó. Họ cần một danh từ mà sẽ tích hợp, đại diện và bao trùm những ý kiến, quan niệm và giáo điều khác như một đoàn thể. Cuối cùng họ mới chọn danh từ Đại thừa (Mahayāna), cỗ xe lớn, dành cho phái của họ và danh từ Tiểu thừa (Hinayāna), cỗ xe nhỏ, dành cho những tông phái khác.

Từ thời điểm đó cho đến thời luận sư Long Thọ (Nagarjuna), thế kỷ thứ hai sau công nguyên, danh từ Đại thừa và Tiểu thừa chỉ được sử dụng để ám chỉ những sự khác nhau về giáo lý cơ bản - như được dùng trong kinh Diệu pháp liên hoa (Saddharmapundarika sutra). Thời điểm Long Thọ trở về sau, danh từ này chịu một sự thay đổi có ý nghĩa, nó không những đề cập đến sự khác nhau về giáo lý căn bản, mà còn nói đến sự khác nhau về trường phái - như được viết trong kinh Bát nhã ba la mật đa (Prajnaparamita sutra). Không những phái Trường lão bộ (Theravada) và Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada) được xếp loại là Tiểu thừa mà còn phái Đại chúng bộ (Mahasanghika), tiền thân của phái Đại thừa, cũng bị cho là Tiểu thừa nữa.

Từ những sự phân tích trên, rõ ràng rằng danh từ Đại thừa thật sự không được biết đến trong cộng đồng Phật giáo cho đến sau này. Trở lại bài viết này với câu hỏi: Vì sao danh từ Đại thừa mới có, lại xuất hiện trong một điều luật của kinh Bồ Tát giới? Chắc chắn là người ta không thể trả lời, nhưng người ta kết luận rằng, danh từ này mới thêm vào.

Điểm kế tiếp để xem xét là: khi nào họ không cảm thấy "có tội" gì về việc gán danh từ Đại thừa và dọa nạt những ai hạ thấp và chống đối lại giáo lý của họ, họ có cảm thấy "có tội" về việc gài một giới luật mới là việc ăn chay vào trong kinh Bồ Tát giới và lạm dụng danh nghĩa của Đức Phật như một người cầm chế điều luật đó? Về danh xưng Bồ Tát giới trong quyển sách này thì không phù hợp cho lắm. Tất cả các giới được đặt ra ở đó, là những giáo điều dành cho các thầy Tỳ khuru. Trong trường hợp này, người biên soạn quyển Bồ Tát giới có thể được xem là đẹp qua một bên sự kiện là chư Bồ Tát không luôn luôn sinh ra làm người, nhưng có thể sinh ra làm các loài khác như súc sinh. Nếu như giới luật trong kinh Bồ Tát giới được áp dụng cho chư vị Bồ Tát sinh ra trong bất kỳ thế giới nào, thì sự thực hành sẽ chắc chắn đi thường và buồn cười lắm. Mà nếu cho Bồ Tát giới là giáo điều áp dụng đặc biệt cho một vị Bồ Tát chào đời như là một Tỳ khuru, thì việc sử dụng thuật ngữ "Bồ Tát" của quyển kinh này có thể được xem là không chuẩn lắm.

Chư vị Tỳ khuru thời của Đức Phật và cả chính Ngài nữa, có dùng cá thịt hay không, điều đó rất dễ để chứng minh bằng sự kiện lịch sử. Trong quyển luật tạng Pratimoksa sutra bằng tiếng Sanskrit của phái Đại chúng bộ (Mahasanghika), tiền thân của phái Đại thừa (Mahayana), tư tưởng Phật giáo, trong giới luật thứ ba mươi chín của Paccattika [13] có một điều luật sau: "Tỳ khuru nào không bệnh mà hỏi xin hay thọ lãnh thực phẩm, được cho là ngon, để mình ăn, thì phạm tội ác". Những thứ thực phẩm được xem ngon (pranitasammatanibho janani) như là sữa, bơ, dầu, mật ong, mật mía, cá và thịt [14]. Một cách chính xác, điều luật này hàm ý là một Tỳ khuru bị bệnh có thể hỏi xin cá hay thịt, còn một Tỳ khuru không bệnh cũng có thể dùng cá và thịt, miễn là Tỳ khuru đó không tự mình hỏi xin. Như vậy, tin chắc rằng thịt và cá là thực phẩm được phép dùng và phổ thông cho các Tỳ khuru trong thời của Đức Phật [15].

Một nhà nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng người Nhật, Daisetz Teitaro Suzuki, đã nói đến trong lời giới thiệu bản dịch của kinh Lăng-già (Lankavatara sutra) và cũng nói đến trong quyển sách chú giải của ông ta "Nghiên cứu kinh Lăng già" rằng chương thứ tám của quyển kinh, "Về việc ăn cá thịt", là được cho thêm vào sau này, giống như chương đầu, kể lại cuộc đàm thoại với Ravana - một nhà vua trong thần thoại Ấn Độ giáo. Chắc chắn chương thứ tám này đã được thêm vào trong quyển kinh. Chương này cũng đã được sửa đổi nhiều lần. Việc ăn cá thịt chắc chắn đã được thừa nhận trong tín đồ Phật tử thời kinh Lăng-già đã được biên soạn. Rõ ràng Đức Phật không cấm họ ăn cá thịt, nếu như con vật đó không do chính họ giết. Điều này gây ra những lời phê bình không hay của các tôn giáo khác. Do đó giới Phật giáo bị bất mãn với lời phê bình này, điều đó dẫn đến một sự nỗ lực mới là cấm ăn cá thịt trong phái Đại thừa. Hơn nữa, kinh Lăng-già, là tập hợp những điều được nói lại với nhau một cách không có phương pháp, và không phải là lời thuyết giảng trực tiếp của Đức Phật, mà được biên soạn ra sau khi Đức Thế Tôn viên tịch.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu của ngài D.T. Suzuki - như đã kết luận ở trên, tạp chí Pancaran Dhamma Matrodevi, Indonesia, viết: "Nếu quyển kinh nào thuộc Tam tạng Kinh

điền, thì quyền đó đúng là lời thuyết giảng của Đức Phật, như quyển kinh Lăng-già". Đây là câu nói thiếu tế nhị, không dựa trên sự kiện lịch sử, mà chỉ là đức tin mù quáng và là sự nỗ lực ngây ngô để thống nhất Phật giáo. Trong quyển Dipavamsa nói thẳng rằng các tu sĩ lạc hướng của phái Vajjiputtaka, những người thành lập giáo phái Đại thừa, họ không hiểu đúng ý nghĩa của giáo pháp thuần túy của Đức Phật, đã tự ý lược bớt một phần khá quan trọng trong kinh và luật và biên soạn kinh và luật mới (giả). Điều đó cho thấy rằng Phật tử Indonesia ngày nay không tuân hành theo lời dạy của Tỳ khuru Narada: "Đừng có tin tưởng rằng một quyển kinh bắt đầu bằng một câu giả tạo 'Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngụ ở thành Xá Vệ (Sravasti)...'. Đây là những lời thuyết giảng của Ngài. Đối với một số tôn giáo, viết một cụm từ như vậy cũng dễ như viết tiểu thuyết, và gài những quyển kinh mới vào trong Tam tạng dễ như đặt một quyển sách mới vào trong kệ sách thư viện vậy".

[\[Đầu trang\]](#)

#### 4. Ăn chay và sự thanh tịnh

Thực hành việc ăn chay thường được cho là một yếu tố để có được sự thanh tịnh. Người xa lánh việc ăn cá, thịt được xem như là người thánh thiện. Sự thanh tịnh có thể đạt được dễ dàng không? Chắc chắn là không! Sự thanh tịnh tùy thuộc vào tâm của con người, chứ không tùy thuộc điều gì bên ngoài. Sự thanh tịnh của một người có thể được đánh giá bằng "sự hạn chế và đoạn trừ lòng ham muốn thực phẩm", chứ không quan niệm từ thực phẩm mà người đó ăn.

Trong kinh Amagandha sutta thuộc Tiểu bộ kinh (Khuddaka Nikaya) có ghi rằng: "Không phải là không ăn cá thịt, hoặc các hình thức bề ngoài, hay nghi lễ, mà làm thanh tịnh một người, không thành kính tin tưởng nơi giáo lý". Điều này căn cứ trên lời dạy của Đức Phật Kassapa cho Tỳ khuru Tissa. Nếu chỉ vì ăn thực vật, rau trái mà được xem là thanh tịnh, thì dê, ngựa, bò cũng thanh tịnh từ lúc mới chào đời!

Một lời nói có ý nghĩa tương đương được Đức Phật tổ Gotama nói cho dân chúng thành Jambudvīpa vì họ tin tưởng rằng tắm ở những con sông (như sông Hằng) sẽ làm cho con người rửa sạch lòng tham muốn, tội lỗi và đau khổ. Ngài dạy: "Nếu nước dòng sông có thể rửa sạch lòng ham muốn, tội lỗi và khổ đau, thì tin chắc rằng tất cả loài rùa, cá, tôm, cua sống trong dòng sông được coi là linh thiêng, đã được đoạn trừ tham muốn, tội lỗi và đau khổ từ lâu lắm rồi".

[\[Đầu trang\]](#)

#### 5. Thịt cá nấu chín có còn sự sống không?

Hiện tại, nếu có người nào hỏi điều khác nhau cơ bản giữa tu sĩ Nguyên thủy và tu sĩ Đại thừa là ở chỗ nào, người ta sẽ trả lời ngay: là tu sĩ Đại Thừa không ăn cá thịt, còn các tu sĩ Nguyên Thủy tự do ăn bất cứ món gì mà các vị muốn. Câu trả lời này chắc chắn là sai lầm và không có căn cứ. Nói như vậy chẳng khác nào tu sĩ Nguyên thủy là người sát sinh thú vật.

Trong kinh Quán tưởng thực phẩm (Catuppaccaya paccavekkhana patha) [16] dạy năm điều luật mà bậc xuất gia cần phải biết đến về thực phẩm cúng dường. Trước khi thọ lãnh, bậc xuất gia phải biết thực phẩm cúng dường chỉ là vật chất (dhatuso), ghê tởm (patikkulato), giả tạo (nissato), không có sự sống (nijjivo), và là hư vô (sunno). Trong khi ăn và sau khi ăn bậc xuất gia phải quán năm điều này.

Đối với tu sĩ Nguyên thủy, không có sự khác nhau giữa cá thịt và rau trái. Hai loại thực phẩm này có cùng chức năng, là để nuôi mạng sống, góp phần làm cho đời sống thanh cao, duy trì sức khỏe tốt, làm hết cơn đói, dừng cơn đau đớn, và làm cho đời sống nhẹ nhàng hơn. Thực phẩm không nên dùng để vui thích, mê hoặc, làm cho thân mập mạp và đẹp đẽ.



Cá thịt nấu chín là loại thực phẩm được Đức Phật tổ Gotama cho phép các tu sĩ thọ dụng. Lý do là cá thịt nấu chín không còn sinh vật sống nữa. Ngay khi thú vật chết, tâm thức này sự sống tâm linh không sinh khởi và hiện hữu trong nó. Chỉ có người nào cố chấp vào bản ngã vĩnh hằng mới có thể phân biệt được cá và thịt nấu chín với con thú còn sống. Người không có ý niệm minh bạch về thân tâm, và không thể nào thực thi được sự trong sạch cho mình.

Nên giải thích thêm ở đây là trong Phật giáo không có tin tưởng rằng thịt thú vật đã chết có chứa đựng những sự rung cảm huyền ảo mà sẽ làm cho người ăn thịt trở nên mắc các chứng bệnh thần kinh, ưu phiền và lo âu. Đây là niềm tin sai lầm dựa trên các tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ [17]. Sự giận hờn (patigha) hay sân hận (dosa) là một trong năm mươi hai tâm sở (cetasika) không thể nào phát sinh trong những sinh vật chết. Mà cũng không có tâm sở nào tồn tại, độc lập, không thể nào đi quanh quẩn hay thể vào bất cứ hình thể vật chất nào.

[\[Đầu trang\]](#)

## 6. Tâm Từ là nền tảng của sự ăn chay

Hầu hết những người ăn chay trong Phật giáo đều nói rằng họ không ăn cá thịt là để huân tập tâm Từ bi (metta-karuna). Lời phát biểu này phải được nghiên cứu lại dựa trên giáo lý thuần túy của Đức Phật. Nhiều kinh sách về Vi diệu pháp (Abhidhamma) [18] định nghĩa tâm Từ bi như sau: "Có tình thương với chúng sinh đang khổ và sẽ khổ đau". Vì cá thịt đã nấu chín rồi thì không được xem là thú sống nên không một ai có tâm từ bi trên món cá thịt đó. Cũng như không thể có tâm Từ bi cho cây, cỏ, bần, ghế và những thứ không phải là sinh vật sống khác. Nên biết thêm nữa là, tâm Từ bi không thể nào tu tập trọng cõi trời vô sắc (arupa - bhumi) được, vì cõi trời đó không có hình thể của chúng sinh bằng thân tứ đại.

Thấy chúng sinh đang đau khổ và sẽ khổ là một nguyên nhân trực tiếp của tâm từ bi (dukkhabhībhutanam anathabha-vadassana padatthana). Như vậy, sự hiện diện của "chúng sinh" như là đối tượng, là điều kiện chính cho sự phát triển tâm từ bi. Cũng nên hiểu rằng việc biểu lộ tâm từ bi thường được đi kèm theo với ý muốn, lòng mong mỏi và sự nỗ lực để cứu vớt một sinh linh thoát khỏi đau khổ (dukkhapanayana-karapavattillakkhana). Trong trường hợp này, không ai có thể cứu khổ cho sinh linh đã chết bằng cách không ăn nó. Dù có ăn thịt hay không, thú vật đã chết rồi thì sẽ không sống lại được.

Mục đích cơ bản của tất cả giáo pháp Đức Phật là cứu vớt chính mình và những sinh linh khác. Sự đau khổ đang hiện có hay sẽ có trong tương lai; chứ không cứu vớt sự đau khổ đã qua; vì đau khổ đã qua thì không thể nào sửa lại được.

Lúc còn là Bồ Tát (Bodhisatta), Đức Phật tổ Gotama sinh làm con cò. Một hôm, cò thấy một con cá đang nổi trên mặt nước. Vì tưởng cá đã chết, cò mổ nó. Khi thấy cá quẫy đuôi, cò thả cá ra ngay. Bởi vì cò chỉ ăn cá đã chết. Khi Bồ Tát sinh làm cò, cò và những thú vật ăn thịt khác; ngài có thể tự chịu đựng chỉ ăn rau trái hay sao? Ăn cá chết không có nghĩa là Bồ Tát không có tâm từ bi.

Trong "Tứ điển tôn giáo so sánh" của Tiến sĩ Trevor O.Ling, mục "Thực phẩm", ông có viết: "...Trong hàng tín đồ của Phật giáo, giết sinh linh là một việc làm tội lỗi được nhấn mạnh (vì nó là chúng sinh có cảm xúc), còn việc ăn sinh linh chết thì không có tội. Nghiệp bất thiện đến với người giết chứ không đến với người ăn, khác với quan niệm của Ấn Độ giáo, họ quan niệm việc ăn cá thịt cũng có nghiệp quả xấu". Có sự khác nhau giữa sự giết thú sống và ăn thịt. Như vậy, tâm Từ bi thật sự không có liên quan gì đến việc ăn chay hay ăn mặn.

[\[Đầu trang\]](#)

## 7. Trách nhiệm pháp lý gián tiếp

Trong "Golden Drum" - một tạp chí đã phát ngôn cho phái Đại thừa ở phương Tây đang bảo chữa cho việc ăn chay, tạp chí số 14, tác giả Sagaramati viết trong tựa đề "Những người con Phật có ăn thịt, cá không?": "--Đề nói rằng việc ăn thịt không có liên quan đạo đức gì với hành động giết hại hung bạo và kinh khủng do nó cảm thấy, thì đây là sự vô tình, vô cảm, là điều phi lý. Mặc dù không tự tay mình giết hay nhờ kẻ khác giết, thì người ấy cũng không thoát khỏi hậu quả cho việc giết hại. Kẻ giết thú vật không riêng cho mình mà cho chợ búa tiêu thụ. Nếu không có người ăn thịt, thì sẽ không có điểm giết thú ngoại trừ việc giết đó phục vụ cho chính người giết. Do đó nếu một ai quyết định ăn thịt, thì người ấy cũng quyết định trở thành những người tiêu thụ của thị trường. Và nếu một ai trở thành một phần tử của thị trường, người ấy có liên hệ với nhu cầu mà người giết đáp ứng. Có một sự liên hệ rất rõ giữa người ăn thịt và hành động giết hại, giữa lòng ham muốn vị thịt và sự đau đớn thật sự của thú bị giết".

Cùng một cách nói, John Blofeld - tác giả nổi tiếng các kinh sách Đại thừa - viết trong lời tựa của quyển "Luật Đại thừa" (Mahayana vinaya) do Tỳ khuru Yen Kiat biên soạn: "Trong thời điểm hiện đại, đặc biệt thú vật ít khi được giết cho những cá nhân; nhưng rõ ràng rằng, tất cả chúng ta thật sự có trách nhiệm cho cái chết của chúng, vì những người đồ tể chỉ đáp ứng thịt theo thị hiếu của chúng ta. Như vậy, trong điều kiện hiện nay, hình như không hợp lý tí nào cho các tu sĩ nói là họ có thể ăn thịt vì họ không biết việc thú vật bị giết".

Thoảng qua, lời viết hình như có lý và hợp thời. Tuy nhiên, nếu lối lý luận như vậy được áp dụng đúng mức, thì những người ăn chay sẽ không thoát khỏi hậu quả và sự liên hệ của việc sát hại. Đối với lúc này, họ có thể "rao giảng" về việc phát huy tâm từ và tâm bi, bởi vì họ chưa bao giờ thấy tận mắt tiến trình trồng, cấy và thu hoạch rau trái và những sản phẩm nông nghiệp khác. Nếu những nông sản nói được, có lẽ chúng sẽ nói về sự đau đớn của loài giun đất, và những loại côn trùng khác mà thân thể của chúng bị đứt nát do bởi cuốc và thuổng; về tiếng kêu rên của chuột đồng bị đứt đầu vì cày và xới, về tiếng than thở của côn trùng chịu đựng thuốc độc DDT; và nhiều điều cảm kích và đau xót khác! Chắc chắn, thiên nhiên không sẵn sàng làm cho các sản phẩm nông nghiệp biết làm chứng hoặc có thể nói và đòi quyền công bằng đối với những kẻ ăn chay. Những tiếng kêu rên, than thở đó vẫn còn bị coi là những tiếng kêu vô vọng trong cánh đồng hoang dã. Điều này nên hỏi lại, phải chăng chỉ có thú vật mới thừa hưởng lòng từ bi, bác ái; còn sự sống của giun đất, côn trùng, chuột đồng thì bị thờ quên lãng hay sao? Nếu người ăn chay nghĩ: "Thú vật sẽ hạnh phúc vô cùng nếu trên đời này không có người ăn mặn", thì cũng sẽ công bằng, nếu người ăn mặn nghĩ: "Bò sát, chuột và côn trùng sẽ sung sướng vô cùng nếu trên đời này không có người ăn chay (thực vật)". Chắc chúng sẽ mở tiệc liên hoan trên cánh đồng lúa!

[Đầu trang]

## 8. Ăn chay có thể thay đổi tánh nết không?

Có một số người nói rằng ăn chay có thể thay đổi tâm tánh con người. Đây là ý tưởng cho rằng loài thú ăn thịt, độc ác, hung dữ hơn loài thú ăn cây cỏ. Như vậy, câu hỏi được đặt ra là: Lối sống của loài thú đem so sánh với lối sống của loài người có hoàn toàn khác nhau không? Trong thực tế không thể so sánh được vì nhiều người ăn thịt mà tánh lại lương thiện, khiêm cung, lịch sự thành kính và ái mộ tôn giáo.

Geoffrey Bell là nhân viên của hội y tế thế giới và tổ chức lương nông, thừa nhận một cách thành thật: "Một người Eskimo có lẽ mãi mãi là người ăn thịt, có thể là Phật tử tốt hơn tôi, mặc dù tôi ăn chay!"

Mọi người ai cũng hiểu Adolph Hitler, nhân vật sáng lập Đảng Quốc Xã Đức, là con người tuyệt đối ăn chay [19], nhưng với lối sống như vậy, Hitler phải chịu trách nhiệm và hậu quả cho cuộc tàn sát lớn nhất thế giới. Một câu hỏi được đặt ra: Thú vật cần lòng từ bi hơn con người không?

Từ ví dụ trên, có thể kết luận rằng: Khi đánh giá lòng từ bi và bác ái; hay sự hung dữ, độc ác của một người mà chỉ dựa trên những gì người ấy ăn là sự đánh giá thiếu thận trọng. Từ sự liên quan trên, ông Jim Brower nói: "Nếu sự thật việc ăn thịt mang lại cho con người sự hung dữ, thì người Eskimo chắc chắn là người có tiếng tăm độc ác và Ấn Độ có nhiều người ăn chay chắc chắn sẽ là quốc gia bình yên nhất thế giới!". Không hẳn là vậy! Nếu nói việc ăn chay có thể thay đổi tánh tình một con người thì đó là một lời nói phiến diện, không căn cứ, không minh chứng.

[\[Đầu trang\]](#)

## 9. Ăn chay có thể làm giảm mức sát hại không?

Nhiều người đã nói rằng người ăn chay cảm thấy đau buồn khi họ trông thấy, lắng nghe, hay tưởng tượng việc giết thú để dùng làm thực phẩm. Cảm giác buồn đau này sẽ thôi thúc họ kiên quyết không ngừng việc thực hành ăn chay. Lời nói này có thật sự đúng hay không? Vấn đề này vẫn còn tranh luận.

Thật sự nếu người ăn chay cảm thấy đau buồn, khi nghĩ đến chúng sinh bị giết, thì ít nhất họ cũng ngại ngừng khi sử dụng những bộ phận thân thể thú cho những mục đích khác. Nói một cách khác, khi người ta đã quyết định tránh xa bất kỳ thực phẩm nào làm bằng cá thịt, thì những người đó cũng nên quyết định tránh xa bất kỳ thực phẩm nào khác được làm từ thú vật! Tuy nhiên điều đó dường như không phải vậy. Dễ dàng tìm thấy một cái trống (làm bằng da thú), những ngọn nến (có mỡ thú vật) [20] trong những tu viện Đại thừa và không khó tìm thấy những tu sĩ Đại thừa ăn chay mà dùng mật ong (được ép ra từ tổ ong mà trứng và ấu trùng của nó phải chết đi) [21], các vị cũng mặc áo lụa (làm bằng tơ tằm có thể lấy được bằng cách hơ nóng hay luộc kén) và rất dễ dàng tìm thấy người ăn chay sử dụng thất lung, giày bằng da [22], và những đồ dùng khác được làm bằng thú vật. Người ăn chay kiên quyết cũng nên tránh sử dụng thuốc vì việc nghiên cứu tạo ra thuốc làm nguy hại hoặc giết hại mạng sống của những con thú được thực hiện cho việc làm thí nghiệm.

Nếu cho rằng người ăn mặn (cá thịt) có thể làm gia tăng mức sát hại, thì cũng cần nên nghi vấn lại rằng: sử dụng những đồ dùng nói trên không có cùng những nghiệp lực sao? Giả sử tại thời điểm này, những người Phật tử ăn chay ủy nhiệm cho đức Đạt Lại Lạt Ma thứ 14 (Tenzin Gyatso) công năng ưu việt, điều đó có nghĩa là "không hề sai trái" tương tự như Đức Giáo Hoàng của Công giáo, lúc đó ngài có thể tuyên bố về đạo đức, học thuyết ý niệm, và bắt cứ những gì liên hệ đến chân lý mà ngài muốn đề cập. Một lối tự do và an toàn, ngài có thể quả quyết: "vì một số lý do thích đáng mà không nên đề cập ở đây, tôi thông báo rằng chỉ ăn mặn mới làm tăng mức sát sinh, còn sử dụng các vật dụng thú vật khác thì không, và các vật dụng đó được cho phép sử dụng nữa!"

Thế nhưng, giả sử ngài có năng lực ưu việt đó, Đức Đạt Lại Lạt Ma sẽ tư duy nhiều lần trước khi phán như vậy. Lý do đơn giản là ngài không thường ăn chay! Ngài kiêng cử ăn tôm bởi vì ngài bị dị ứng [23]. Việc đề xuất ăn chay ở khắp mọi nơi nhằm làm giảm bớt mức sát sinh hại vật chỉ là một "phương án chưa hoàn hảo". Sự thật chỉ là một ảo tưởng.

[\[Đầu trang\]](#)

## 10. Chủ nghĩa ăn chay và thịt nhân tạo

Việc tinh tiến trong sự thực hành và quảng cáo lối sống của họ, đa số những người ăn chay hết sức cố gắng tạo một loại thực phẩm mới lạ mà chưa từng có trước đây, đó là "thịt nhân tạo". Thịt nhân tạo này được làm bằng bột mì và nhiều loại gia vị khác, mùi vị hơi giống thịt tự nhiên - thậm chí việc nấu nướng thịt nhân tạo còn khó hơn việc nấu nướng thịt bình thường.

Mặc dù phương pháp làm rất tốn công và đắt tiền, ý niệm về sản phẩm thịt nhân tạo rất hấp dẫn và lôi cuốn nhiều người ăn chay hoặc không ăn chay. Những nhà hàng phục vụ những món ăn này bỗng nhiên xuất hiện nhiều trong những thành phố lớn trên thế giới. Thậm chí những tạp chí Phật giáo ở Indonesia đã nhanh chóng đăng những công thức dạy nấu ăn với thực phẩm đồ chay, như gà rang đậu, thịt heo quay.

Nhiều câu hỏi được đặt ra cho người ăn chay là thích thú và ăn ngon miệng đối với thịt nhân tạo không? Quan niệm và thực hành về việc sản xuất thịt nhân tạo có liên hệ với tôn giáo ra sao? Nếu thực phẩm ăn là thịt nhân tạo, thì sự trong sạch đạt được cũng không phải sự trong sạch nhân tạo sao? Có phải thực tập như thế chẳng khác nào tẩy một vết dơ tâm trí bằng phương tiện tạo nên một vết dơ tâm trí khác có đáng kinh tởm hơn không? Như vậy điều này có phải là đạo đức cực kỳ giả hay không nhỉ?

Dựa trên sự tính toán đã đo lường được, khẩu vị của người ăn chay chắc chắn không kém hơn khẩu vị của người ăn mặn. Lòng ham muốn và phiền não thì không bao giờ tránh được. Thật sự một người ăn chay một thời gian lâu dài có thể đoạn trừ hay quên lãng lòng ham muốn thực phẩm mặn. Tuy nhiên, điều đó không bảo đảm là lòng tham muốn đó sẽ không thay đổi vật thể của nó cho loại thực phẩm khác, thực phẩm chay - ý thức rằng ham muốn thực vật, rau, trái và những sản phẩm nông nghiệp khác là điều tốt đẹp. Như thế lòng ham muốn thật sự không thể đoạn trừ được chỉ bằng sự thay thế hay di chuyển vật thể. Mà lòng ham muốn chỉ có thể đoạn trừ bằng cách tiêu diệt cội nguồn của nó.

[\[Đầu trang\]](#)

[1](#) | [2](#) | [3](#) | [Giới thiệu](#) | [Đầu trang](#)

*updated: 04-04-2002*

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)